

Số: 162/BC-STP

An Giang, ngày 25 tháng 5 năm 2023

BÁO CÁO

Kết quả thẩm định dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 30 tháng 3 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thuộc nguồn vốn sự nghiệp thực hiện một số nội dung thành phần Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh An Giang

Sở Tư pháp nhận được Công văn số 1126/SNNPTNT-VPĐPNTM ngày 24/5/2023 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc thẩm định nội dung dự thảo Tờ trình UBND tỉnh và dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 30/3/2023 của HĐND tỉnh quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thuộc nguồn vốn sự nghiệp thực hiện một số nội dung thành phần CT.MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh An Giang. Sở Tư pháp đã tổ chức thẩm định và báo cáo kết quả như sau:

I. Đối tượng, phạm vi điều chỉnh của dự thảo

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 30 tháng 3 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thuộc nguồn vốn sự nghiệp thực hiện một số nội dung thành phần Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh An Giang.

II. Tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của dự thảo Nghị quyết với hệ thống pháp luật

Căn cứ quy định tại Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, Hội đồng nhân dân tỉnh đã thông qua Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 30/3/2023 quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thuộc nguồn vốn sự nghiệp thực hiện một số nội dung thành phần Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh An Giang. Theo đó, Hội đồng nhân dân tỉnh đã quy định cụ thể 05 nội dung mức chi được giao tại Thông tư số 53/2022/TT-BTC.

Tuy nhiên, vẫn còn một số nội dung mức chi tại Thông tư số 53/2022/TT-BTC giao Hội đồng nhân dân tỉnh quy định cụ thể để triển thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025. Cụ thể:

Điều 9, khoản 2 Điều 10, Điều 12, điểm a khoản 2 Điều 20 và khoản 1 Điều 39 Thông tư số 53/2022/TT-BTC quy định:

“Điều 9. Chi hỗ trợ phát triển các mô hình xử lý nước thải sinh hoạt quy mô hộ gia đình, cấp thôn

Chi hỗ trợ phát triển các mô hình xử lý nước thải sinh hoạt quy mô hộ gia đình, cấp thôn theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Nội dung cụ thể thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách trung ương tối đa không quá 70% kinh phí thực hiện mô hình được phê duyệt đối với các huyện miền núi, không quá 50% kinh phí thực hiện mô hình được phê duyệt đối với các huyện còn lại trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao. Căn cứ quy định tại Thông tư này, điều kiện thực tế tại địa phương và khả năng ngân sách, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định cụ thể mức hỗ trợ.

Điều 10. Chi hỗ trợ xây dựng và phát triển hiệu quả các vùng nguyên liệu tập trung, chuyển đổi cơ cấu sản xuất, góp phần thúc đẩy chuyển đổi số trong nông nghiệp

2. Chi tối đa 100% chi phí tư vấn, giám sát và gắn mã vùng trồng cho các cá nhân tổ chức. Ưu tiên cấp mã vùng trồng cho vùng sản xuất đã được đánh giá chứng nhận vùng trồng thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP) và nông nghiệp hữu cơ; hỗ trợ truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã, huyện, tỉnh. Căn cứ quy định tại Thông tư này, điều kiện thực tế tại địa phương và khả năng ngân sách, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định cụ thể mức hỗ trợ trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao.

Điều 12. Chi hỗ trợ cơ giới hóa, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp hiện đại

Nội dung cụ thể thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách trung ương tối đa không quá 50% tổng kinh phí hỗ trợ cho 1 cơ sở, tổ chức, cá nhân theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Căn cứ quy định tại Thông tư này, điều kiện thực tế tại địa phương và khả năng ngân sách, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định cụ thể mức hỗ trợ trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao.

Điều 20. Chi thực hiện Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới

2. Nội dung chi, mức chi

a) Chi hỗ trợ phát triển điểm du lịch nông thôn và sản phẩm du lịch nông thôn mang đặc trưng vùng, miền. Nội dung chi cụ thể thực hiện theo Quyết định số 922/QĐ-TTg ngày 02 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 và Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT. Tùy thuộc điều kiện thực tế về tài nguyên du lịch của từng địa phương theo quy định của Luật du lịch và các văn

bản hướng dẫn, Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan trung ương (đối với các nhiệm vụ do trung ương thực hiện), Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp (đối với các nhiệm vụ do địa phương thực hiện) quyết định mức hỗ trợ cụ thể đảm bảo phù hợp với quy định hiện hành và trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao;

Điều 39. Chi triển khai Phong trào “Nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững”; xây dựng các Chi hội nông dân nghề nghiệp, Tổ hội nông dân nghề nghiệp theo nguyên tắc “5 tự” và “5 cùng”

1. Chi tổ chức các hoạt động hỗ trợ xây dựng mô hình, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các Chi hội, Tổ hội nghề nghiệp theo hướng dẫn của Trung ương Hội Nông dân Việt Nam.

Mức hỗ trợ: Căn cứ theo các quy định hiện hành, quy định tại Điều 5 Thông tư này và nội dung mô hình được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan trung ương (đối với mô hình do trung ương thực hiện), Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp (đối với mô hình do địa phương thực hiện) quyết định mức hỗ trợ cụ thể trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao.”.

Khoản 1 Điều 27, Khoản 3 Điều 1 Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định:

“Điều 27. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh

Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nghị quyết để quy định:

1. Chi tiết điều, khoản, điểm được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên.”

“3. Sửa đổi, bổ sung Điều 12 như sau:

“Điều 12. Sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc đình chỉ việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật

1. Văn bản quy phạm pháp luật chỉ được sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ bằng văn bản quy phạm pháp luật của chính cơ quan nhà nước đã ban hành văn bản đó hoặc bị đình chỉ việc thi hành hoặc bãi bỏ bằng văn bản của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền.”.

Căn cứ quy định trên, Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 30 tháng 3 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thuộc nguồn vốn sự nghiệp thực hiện một số nội dung thành phần Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh An Giang là **cần thiết và đúng thẩm quyền**.

III. Dự thảo Nghị quyết

1. Đề nghị in đậm tên Điều 1 dự thảo Nghị quyết, cụ thể: “**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 30 tháng 3 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thuộc nguồn vốn sự nghiệp thực hiện một số nội dung thành phần Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh An Giang:**” theo mẫu số 36 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP.

2. Không in đậm cụm từ “**Điều 1**” tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 1 dự thảo.

3. Khoản 3 Điều 1 dự thảo

a) Nội dung bổ sung khoản 8 Điều 1, dự thảo Nghị quyết quy định:

“8. Chi hỗ trợ phát triển các mô hình xử lý nước thải sinh hoạt quy mô hộ gia đình/khu dân cư, tuyến dân cư, cấp áp.

...

b) *Mức hỗ trợ:*

Mức hỗ trợ đối với các huyện miền núi: ngân sách trung ương hỗ trợ 70%, ngân sách địa phương hỗ trợ 30%, trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao. Kinh phí hỗ trợ tối đa 5 triệu đồng/mô hình quy mô hộ gia đình và tối đa 80 triệu đồng/mô hình, quy mô khu dân cư, tuyến dân cư, được cấp thẩm quyền phê duyệt.

Mức hỗ trợ đối với các huyện còn lại: ngân sách trung ương hỗ trợ 50%, ngân sách địa phương hỗ trợ 50%, trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao. Kinh phí hỗ trợ tối đa 5 triệu đồng/mô hình quy mô hộ gia đình và tối đa 80 triệu đồng/mô hình, quy mô khu dân cư, tuyến dân cư, được cấp thẩm quyền phê duyệt.”.

- Đề nghị nêu lý do quy định cụm từ “mô hình xử lý nước thải sinh hoạt quy mô hộ gia đình/khu dân cư, tuyến dân cư, cấp áp” vì Điều 9 Thông tư số 53/2022/TT-BTC và Điều 8 Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT đều quy định: “mô hình xử lý nước thải sinh hoạt quy mô hộ gia đình, cấp thôn”.

- Đề nghị bỏ dấu phẩy trước cụm từ “*trong phạm vi dự toán*” tại quy định mức hỗ trợ.

b) Nội dung bổ sung khoản 10 Điều 1, dự thảo Nghị quyết quy định:

“10. Chi hỗ trợ cơ giới hóa, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp hiện đại.

Thực hiện theo quy định tại điểm e điểm k khoản 2 Điều 10 Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung thực hiện Chương

trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

b) Mức hỗ trợ: Ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% (trong đó ngân sách trung ương hỗ trợ 50%, ngân sách địa phương hỗ trợ 50%)/tổng kinh phí hỗ trợ cho 1 cơ sở, tổ chức, cá nhân theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao, kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước tối đa 300 triệu đồng/mô hình/1 cơ sở, tổ chức, cá nhân”.

- Đề nghị điều chỉnh cụm từ “điểm e điểm k khoản 2 Điều 10” thành “điểm e, điểm k khoản 2 Điều 10”.

- Lưu ý cơ quan soạn thảo bố cục có điểm b nhưng không có điểm a.

c) Nội dung bổ sung khoản 11 Điều 1 dự thảo:

Đề nghị điều chỉnh cụm từ “điểm b, khoản 4, Điều 1” thành “điểm b khoản 4 Điều 1”, cụm từ “khoản 2, Điều 16” thành “khoản 2 Điều 16”.

d) Nội dung bổ sung khoản 12 Điều 1 dự thảo:

Đề nghị cơ quan soạn thảo lưu ý việc viện dẫn quy định tại Hướng dẫn số 466/HD/HNDTW, vì Hướng dẫn này có thêm bố cục các phần A, B, C.

đ) Hình thức trình bày, đề nghị cơ quan soạn thảo lưu ý: bỏ dấu ngoặc kép sau khoản 8; trước khoản 9, khoản 12; trước và sau khoản 10, khoản 11.

4. Mức hỗ trợ tại dự thảo Nghị quyết, do cơ quan soạn thảo phối hợp với cơ quan có liên quan giải trình trên cơ sở cân đối ngân sách.

Trên đây là Báo cáo kết quả thẩm định của Sở Tư pháp kính gửi Quý cơ quan./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Văn Phòng UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Giám đốc, Phó Giám đốc Sở;
- Công TTĐT Sở Tư pháp;
- Lưu: VT, XDKT&TDTHPL.

GIÁM ĐỐC

Cao Thanh Sơn